Phụ lục V .7

BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ HUYỆN THỚI LAI

(Ban hành kèm Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp trong các Khu dân cư và tiếp giáp các trục đường giao thông			
1	Cụm dân cư vượt lũ các xã: Trường Xuân, Trường Thành	Trục chính		700,000
		Trục phụ		490,000
2	Cụm dân cư vượt lũ các xã: Đông Thuận, Đông Bình, Trường Xuân A	Trục chính		490,000
		Trục phụ		350,000
3	Cụm dân cư vượt lũ các xã: Thới Tân, Định Môn	Trục chính		350,000
		Trục phụ		280,000
4	Chợ thị trấn Thới Lai	Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ		3,500,000
		Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ vàm Kinh Đứng	Vàm Nhà Thờ	630,000
5	Đường tỉnh 919	Giáp ranh huyện Phong Điền	Giáp ranh huyện Cờ Đỏ	700,000
6	Đường tỉnh 922	Cầu Rạch Nhum	Cầu Tắc Cà Đi (Bên trái)	525,000
			Cầu Tắc Cà Đi (Bên phải)	700,000
		Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Xẻo Xào (Bên trái)	1,750,000
			Cầu Xẻo Xào (Bên phải)	2,100,000

		Cầu Xẻo Xào	Cầu Sắt Lớn	3,500,000
		Cầu Sắt Lớn	Cầu Cồn Chen (Bên trái)	910,000
			Cầu Cồn Chen (Bên phải)	1,050,000
		Cầu Cồn Chen	Ranh huyện Cờ Đỏ (Bên trái)	280,000
			Ranh huyện Cờ Đỏ (Bên phải)	420,000
7	Đường thị trấn Thới Lai – xã Đông Bình	Đường tỉnh 922	Cầu Đông Pháp	700,000
		Cầu Đông Pháp	Cầu Bảy Phẩm (Bên phải)	280,000
			Cầu Bảy Phẩm (Bên trái)	350,000
		Cầu Bảy Phẩm	Đường tỉnh 919 (Bên phải)	280,000
			Đường tỉnh 919 (Bên trái)	420,000
		Đường tỉnh 919	Xã Đông Bình	350,000
8	Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A	Cầu Búng Lớn	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Bên trái)	280,000
			Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Bên phải)	420,000
		Tuyến lộ trước khu dân cư vượt lũ (Bên trái)	Hướng cầu Bà Đầm	980,000
		Tuyến lộ trước khu dân cư vượt lũ (Bên phải)		630,000
		Khu chợ trung tâm: cặp kinh Bà Đầm	Hết ranh đất nhà bà Năm Dung	700,000
		Các phần còn lại trong khu vực chợ		350,000
		Cầu Bà Đầm	Kinh Ranh (Bên trái)	280,000
			Kinh Ranh (Bên phải)	350,000
9	Khu dân cư Huệ Phát	Trục chính		1,400,000
		Trục phụ		840,000

10	Thị trấn Thới Lai (Trừ khu dân cư Huệ Phát)	Ngã ba (Thới Lai - Trường Xuân)	Ranh xã Trường Thắng (Bên trái)	700,000
			Ranh xã Trường Thắng (Bên phải)	840,000
		Cầu Sắt Lớn	Ranh xã Trường Thắng	490,000
11	Xã Định Môn	Cầu Vàm Nhon	Cầu Mương Huyện	350,000
		Cầu Mương Huyện	Cầu Trà An	420,000
		Cầu Trà An	Cầu Ngã Tư (Ngã tư nhà Thờ)	350,000
12	Xã Trường Thắng	Ranh thị trấn Thới Lai	Cầu Ông Định (Bên trái)	350,000
			Cầu Ông Định (Bên phải)	420,000
		Cầu Ông Định	Cầu Búng Lớn (Bên trái)	280,000
			Cầu Búng Lớn (Bên phải)	315,000
13	Xã Trường Thành	Khu dân cư vượt lũ	Ranh Rạch Gừa (mé sông)	700,000
			Ranh Rạch Gừa (lộ mới)	700,000
		Rạch Gừa	Ranh xã Tân Thới (mé sông)	280,000
			Ranh xã Tân Thới (lộ mới)	350,000

Phụ lục IV .7

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ HUYỆN THỚI LAI

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ năm 2013
		TỪ	ĐẾN	
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	Đất ở trong các Khu dân cư và tiếp giáp các trục đường giao thông			
1	Cụm dân cư vượt lũ các xã: Trường Xuân, Trường Thành	Trục chính		1,000,000
		Trục phụ		700,000
2	Cụm dân cư vượt lũ các xã: Đông Thuận, Đông Bình, Trường Xuân A	Trục chính		700,000
		Trục phụ		500,000
3	Cụm dân cư vượt lũ các xã: Thới Tân, Định Môn	Trục chính		500,000
		Trục phụ		400,000
4	Chợ thị trấn Thới Lai	Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ		5,000,000
		Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ vàm Kinh Đứng	Vàm Nhà Thờ	900,000
5	Đường tỉnh 919	Giáp ranh huyện Phong Điền	Giáp ranh huyện Cờ Đỏ	1,000,000
6	Đường tỉnh 922	Cầu Rạch Nhum	Cầu Tắc Cà	750,000

			trái)	
			Cầu Tắc Cà Đi (Bên phải)	1,000,000
		Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Xẻo Xào (Bên trái)	2,500,000
			Cầu Xẻo Xào (Bên phải)	3,000,000
		Cầu Xẻo Xào	Cầu Sắt Lớn	5,000,000
		Cầu Sắt Lớn	Cầu Cồn Chen (Bên trái)	1,300,000
			Cầu Cồn Chen (Bên phải)	1,500,000
		Cầu Cồn Chen	Ranh huyện Cờ Đỏ (Bên trái)	400,000
			Ranh huyện Cờ Đỏ (Bên phải)	600,000
7	Đường thị trấn Thới Lai – xã Đông Bình	Đường tỉnh 922	Cầu Đông Pháp	1,000,000

		Cầu Đông Pháp	Cầu Bảy Phẩm (Bên phải)	400,000
			Cầu Bảy Phẩm (Bên trái)	500,000
		Cầu Bảy Phẩm	Đường tỉnh 919 (Bên phải)	400,000
			Đường tỉnh 919 (Bên trái)	600,000
		Đường tỉnh 919	Xã Đông Bình	500,000
8	Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A	Cầu Búng Lớn	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Bên trái)	400,000
			Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Bên phải)	600,000
		Tuyến lộ trước khu dân cư vượt lũ (Bên trái)	Hướng cầu Bà Đầm	1,400,000

		Tuyến lộ trước khu dân cư vượt lũ (Bên phải)		900,000
		Khu chợ trung tâm: cặp kinh Bà Đầm	Hết ranh đất nhà bà Năm Dung	1,000,000
		Các phần còn lại trong khu vực chợ		500,000
		Cầu Bà Đầm	Kinh Ranh (Bên trái)	400,000
			Kinh Ranh (Bên phải)	500,000
9	Khu dân cư Huệ Phát	Trục chính		2,000,000
		Trục phụ		1,200,000
10	Thị trấn Thới Lai (Trừ khu dân cư Huệ Phát)	Ngã ba (Thới Lai - Trường Xuân)	Ranh xã Trường Thắng (Bên trái)	1,000,000
			Ranh xã Trường Thắng (Bên phải)	1,200,000
		Cầu Sắt Lớn	Ranh xã Trường Thắng	700,000
11	Xã Định Môn	Cầu Vàm	Cầu	500,000

			Huyện	
		Cầu Mương Huyện	Cầu Trà An	600,000
		Cầu Trà An	Cầu Ngã Tư (Ngã tư nhà Thờ)	500,000
12	Xã Trường Thắng	Ranh thị trấn Thới Lai	Cầu Ông Định (Bên trái)	500,000
			Cầu Ông Định (Bên phải)	600,000
		Cầu Ông Định	Cầu Búng Lớn (Bên trái)	400,000
			Cầu Búng Lớn (Bên phải)	450,000
13	Xã Trường Thành	Khu dân cư vượt lũ	Ranh Rạch Gừa (mé sông)	1,000,000
			Ranh Rạch Gừa (lộ mới)	1,000,000
		Rạch Gừa	Ranh xã Tân	400,000

			(mé sông)	
			Ranh xã Tân Thới (lộ mới)	500,000